CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀNG ANH
PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1448

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT

Công trình: NHÀ Ở XÃ HỘI CHO CÔNG NHÂN KHU CÔNG NGHIỆP HÀM KIỆM 1

Địa điểm: XÃ HÀM KIỆM - HUYỆN HÀM THUẬN NAM - TỈNH BÌNH THUẬN

Số: 83 /ĐC/LAS1448

Ngày hoàn thành:

SỐ HỐ KHOAN	MẪU SỐ	ĐỘ SÂU (m)	THÀNH PHẦN HẠT (%) (TCVN 4198: 2012)								TÍNH CHẤT VẬT LÝ								Hạn độ ATTERBEG				TÍNH CHẤT LỰC HỌC														PHÂN LOẠI ĐẤT (TCVN 9362-2012)
			SỎI	CÁT				BỤI		SÉT	ĐỘ ẨM TỰ NHIÊN	DUNG TRỌNG (TCVN 4202:2012)			TỶ TRỌNG	HỆ SỐ RỖNG	ĐỘ RỖNG	ĐỘ BÃO HÒA	PP. Casagrande (TCVN 4197:2012)				TÍNH NÉN LÚN (TCVN 4200:2012)								CƯỜNG ĐỘ KHÁNG CẮT (theo TCVN 4199:2012)				LỰC KHÁNG CẮT		
				To	Vừa	Nhỏ	Mịn	To	nhỏ			trạng thái tự nhiên	Trạng thái khô	Đẩy nổi									Hệ số rỗng ứng với từng cấp áp lực ε_i						Hệ số nén lún	Môđun biến dạng					Lực dính kết	Góc ma sát trong	
			Đường kính hạt (mm)																																		
			>10	10 - 2	2 - 0.5	0.5-0.25	0.25-0.1	0.1 - 0.05	0.05-0.01	0.01--0.002	<0.002	W_{tn} %	γ_w	γ_k	γ	Δ	ε_0	n %	G %	Wl %	Wp %	Ip %	Độ ẸT B	$\varepsilon_{0.25}$	$\varepsilon_{0.5}$	$\varepsilon_{1.0}$	$\varepsilon_{2.0}$	$\varepsilon_{4.0}$	$\varepsilon_{8.0}$	a_{1-2} kPa^{-1}x10^{-2}	E_{1-2} kPa	τ_1	τ_2	τ_3	tgφ	C kPa	φ độ,phút	
												(kN/m^3)																			kPa						
HK1	HK1/1	2.9-3.1				1.6	6.2	9.5	18.9	23.6	40.2	21.7	19.83	16.29	10.26	27.0	0.657	39.6	89.2	48.6	20.6	28.0	04		0.623	0.601	0.575	0.543	0.499	0.026	6158	59.4	86.4	111.6	0.261	33.60	14°38'	Sét màu xám xanh, xám vàng, trạng thái nửa cứng.
HK1	HK1/2	7.8-8.0	65.6	13.9	4.2	2.1	2.3	3.4	2.1	1.5	4.9	6.1				27.4				33.1	18.6	14.5																Đất cuội màu xám xanh-đen.
HK1	HK1/3	14.8-15.0	64.3	12.1	3.6	3.0	2.5	2.9	3.6	2.5	5.5	7.2				27.3				34.9	18.9	16.0																Đất cuội màu xám xanh-đen.
HK2	HK2/1	1.9-2.1			4.2	6.9	14.6	16.5	20.1	14.2	23.5	22.3	19.74	16.14	10.14	26.9	0.667	40.0	89.9	35.1	21.6	13.5	05		0.632	0.609	0.581	0.549	0.501	0.028	5746	59.8	93.6	126.0	0.331	26.88	18°20'	Sét pha xám vàng, xám xanh, trạng thái nửa cứng.
HK2	HK2/2	10.4-10.6	68.9	10.2	5.2	2.3	2.5	3.1	2.9	2.1	2.8	7.3				27.5				29.6	17.2	12.4																Đất cuội màu xám xanh-đen.
HK2	HK2/3	14.8-15.0		5.6	12.6	6.8	9.8	10.3	16.9	12.3	25.7	22.4	19.63	16.04	10.05	26.8	0.671	40.2	89.5	35.2	21.8	13.4	04		0.635	0.611	0.582	0.548	0.496	0.029	5555	57.6	92.9	122.9	0.327	25.80	18°05'	Sét pha xám vàng, xám xanh trạng thái nửa cứng.
HK3	HK3/1	1.4-1.6				2.8	5.7	10.3	20.1	21.6	39.5	22.1	19.52	15.99	10.05	26.9	0.682	40.5	87.2	49.3	20.7	28.6	05		0.645	0.620	0.590	0.554	0.502	0.030	5400	54.7	82.1	103.0	0.241	31.68	13°36'	Sét màu xám xanh, xám vàng, trạng thái nửa cứng.
HK3	HK3/2	7.9-8.1	69.5	10.2	5.3	2.0	1.9	3.2	3.1	1.6	3.2	6.5				27.3				30.4	17.6	12.8																Đất cuội màu xám xanh-đen.
HK3	HK3/3	13.8-14.0		6.8	10.9	7.5	8.9	10.2	15.9	13.1	26.7	22.9	19.58	15.93	9.96	26.7	0.676	40.3	90.4	38.2	22.4	15.8	03		0.640	0.617	0.588	0.554	0.502	0.029	5576	60.1	92.9	124.7	0.323	27.96	17°55'	Sét pha xám vàng, xám xanh, trạng thái nửa cứng.
HK4	HK4/1	2.8-3.0				3.8	6.9	11.2	21.3	19.6	37.2	20.9	19.63	16.24	10.22	27.0	0.663	39.9	85.1	46.6	20.2	26.4	03		0.630	0.609	0.582	0.552	0.504	0.027	5959	58.7	84.6	108.0	0.247	34.44	13°51'	Sét màu xám xanh, xám vàng, trạng thái nửa cứng.
HK4	HK4/2	6.2-6.4				2.6	3.9	8.6	24.3	21.6	39.0	22.1	19.96	16.35	10.32	27.1	0.657	39.6	91.2	50.3	21.6	28.7	02		0.618	0.593	0.562	0.528	0.476	0.031	5139	59.4	86.4	109.8	0.252	34.80	14°08'	Sét màu xám xanh, xám vàng, trạng thái nửa cứng.
HK4	HK4/3	14.8-15.0	75.3	7.9	4.2	1.6	1.8	2.8	3.4	1.5	1.5	6.8				27.4				27.5	16.9	10.6																Đất cuội màu xám xanh-đen.
HK5	HK5/1	2.1-2.3			1.2	4.6	7.9	10.5	19.8	20.1	35.9	21.6	19.73	16.23	10.20	26.9	0.657	39.6	88.4	42.6	21.1	21.5	02		0.625	0.604	0.579	0.551	0.507	0.025	5416	58.7	84.4	105.5	0.234	36.06	13°10'	Sét màu xám xanh, xám vàng, trạng thái nửa cứng.
HK5	HK5/2	8.3-8.5	72.6	8.9	4.6	2.1	2.3	3.1	3.0	1.4	2.0	7.0				27.3				28.3	17.2	11.1																Đất cuội màu xám xanh-đen.
HK5	HK5/3	14.8-15.0		6.8	10.9	7.5	8.9	10.2	15.9	13.1	26.7	21.6	19.69	16.19	10.13	26.7	0.649	39.4	88.9	33.9	20.9	13.0	05		0.618	0.598	0.574	0.548	0.512	0.024	6658	57.6	91.8	122.0	0.322	26.04	17°52'	Sét pha xám vàng, xám xanh, trạng thái nửa cứng.

GHI CHÚ: Loại các hạt có đường kính d>5 mm khi thí nghiệm cắt nén.
Môđun biến dạng E_{1-2} trên chưa nhân với hệ số β và m_k

Người thí nghiệm

Huỳnh Hoàng Hảo

Người tổng hợp

Hoàng Bình Thanh

XD LAS1448

Trưởng phòng TN

Hoàng Bình Thanh

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN & KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀNG ANH
GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3401090888 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG HOÀNG ANH - TP. PHAN THIẾT - T. BÌNH THUẬN

NGUYỄN ĐỨC AN